

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2021

"Về việc ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Huệ

- Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Ngọc Hải, xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ngọc Hải, xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 08/11/2021 nguyên đơn chị M trình bày và yêu cầu như sau:**

Chị M và anh M chung sống với nhau như vợ chồng năm 2001 đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hưng A, huyện An Minh. Trong thời gian chung sống, rất hạnh phúc, năm 2015 thì anh M thay đổi tính tình, làm bất kỳ việc gì không trao đổi bàn bạc gì với chị M nên mâu thuẫn phát sinh, nhưng chị vẫn cố gắng nhẫn nhịn để nuôi con nhưng mỗi khi nói đến thì xảy cữ cãi từ

đó vợ chồng ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, chị xác định không thể chung sống với anh M được nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn M.

- Về con chung: Chị và anh M có 02 đứa con chung, tên Trần Minh Thuận, sinh ngày 08/01/2001 và Trần Thị Mộng Nghi, sinh ngày 04/01/2012. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi Mộng Nghi, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Đối với Trần Minh Thuận đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản; về nợ chung: Chị M xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Văn M không có ý kiến trình bày:**

*** Tại phiên tòa:**

Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh M vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền của mình theo quy định.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị M và anh M kết hôn với nhau năm 2012, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh M, xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh M đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M cho chị được ly hôn với anh Trần Văn M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị M và anh M có 02 đứa con chung. Tên Trần Minh Thuận, sinh ngày 08/01/2001 và Trần Thị Mộng Nghi, sinh ngày 04/01/2012. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi Mộng Nghi, cháu Mộng Nghi có ý kiến nguyện vọng sống với chị M, xét thấy yêu cầu của chị M được nuôi cháu Mộng Nghi phù hợp quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp nguyện vọng của cháu Nghi nên đề nghị HĐXX chấp nhận giao cháu Mộng Nghi cho chị M nuôi sau khi chị được ly hôn với anh M. Đối với Trần Minh Thuận đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị M không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi con cùng chị, nên không xem xét.

- Về tài sản; về nợ chung: Chị M xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện An Minh tổng đạt thông báo thụ lý cho anh M biết về việc chị M xin được ly hôn với anh M, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Mộng Nghi, khi nhận được thông báo thụ lý của tòa án đã hết thời gian quy định anh M không ý kiến nên Tòa án thực hiện các thủ tục theo quy định, hai lần hòa giải không tham gia nên Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Lần thứ nhất anh M vắng mặt nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị M không yêu cầu hoãn phiên tòa nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt anh M theo quy định khoản 1 Điều 227 và 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị Mến và anh M có đăng ký kết hôn năm 2012, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị M khởi kiện xin ly hôn đối với anh M xét thấy, hôn nhân giữa chị M và anh M có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, việc đăng ký kết hôn phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh M thấy rằng*; Tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đó là vợ chồng mà không sống chung với nhau, mỗi người có tính cách riêng được xác định là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại 19 Luật hôn nhân và gia đình nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh M, đối với anh M từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không ý kiến trình bày, hai lần hòa giải không đến tham gia, hai lần xét xử không tham gia được xem là anh M không còn tha thiết trở về đoàn tụ với chị M để xây dựng hạnh phúc gia đình nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M và ý kiến của Kiểm sát viên cho chị M được ly hôn với anh M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] *Về con chung*: Chị M xác định, có 02 đứa con chung tên Trần Minh Thuận, sinh ngày 08/01/2001 và Trần Thị Mộng Nghi, sinh ngày 04/01/2007. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con Mộng Nghi (*hiện nay Mộng Nghi đang sống với chị M*), cháu Mộng Nghi có nguyện vọng được sống chung với chị M.

Xét thấy yêu cầu của chị M phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và phù hợp với nguyện vọng của cháu Mộng Nghi nên cần chấp nhận. Đối với cháu Minh Thuận đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được, chị M không yêu cầu nên không xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi cháu Mộng Nghi cùng chị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản và nợ chung*: Chị M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56 Điều 81 và Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Văn M.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Trần Thị Mộng Nghi, sinh ngày 04/01/02007 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng (hiện nay cháu Mộng Nghi đang sống với chị M), cháu Minh Thuận đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[3]. *Về tài sản và nợ chung*: Chị M xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[4]. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: 300.000đ chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000đ mà chị nộp theo biên lai số 0006380 ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án (07/01/2022) đương sự vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản chính của bản án này theo thủ tục Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hưng A;
- Chi cục THADS huyện An Minh;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Mỹ Huê